

Số: /CT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

CHỈ THỊ
Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro. Tình trạng bất ổn an ninh, chính trị tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực, nhất là tại Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ...; lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục được điều hành thận trọng theo hướng thắt chặt; kinh tế thế giới phục hồi không đồng đều. Ở trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh tiếp tục phục hồi.

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, đồng thời là năm tổ chức Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030; kinh tế trong nước, trong tỉnh bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, dự báo còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức lớn hơn, phức tạp hơn. Để tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, đòi hỏi các cấp, các ngành phải kế thừa, phát huy thành quả đã đạt được, tận dụng tối đa tiềm năng, thế mạnh để tiếp tục tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém, vượt qua các khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới; trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 với các yêu cầu, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

I. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

1. Yêu cầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

1.1. Đối với đánh giá kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2024

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

b) Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, so sánh với năm 2023 và các năm 2021 - 2023, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong xây dựng thể chế, phát triển kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh...; các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để kịp thời khắc phục, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống Nhân dân trong những tháng cuối năm.

1.2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác, khách quan tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2021 - 2023, ước thực hiện năm 2024; đánh giá, phân tích, dự báo khả năng hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại kế hoạch 5 năm 2021 - 2025; tập trung theo dõi, dự báo kịp thời những diễn biến của tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh để chuẩn bị, sẵn sàng các kịch bản, giải pháp, đối sách phù hợp, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Trên cơ sở đó, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đảm bảo bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

b) Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, nên các mục tiêu, định hướng đề ra phải có tính phấn đấu cao, các giải pháp phải mang tính đột phá, mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các cấp, các ngành, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đồng thời, phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành; cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

c) Kế hoạch của các ngành, địa phương, đơn vị phải phù hợp với Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phấn đấu đạt mục tiêu đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát dự báo, đánh giá tình hình, bối cảnh quốc tế, trong nước và trong tỉnh trong thời gian tới; đồng thời, đảm bảo kế thừa, phát huy những thành quả đã đạt được,

có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Nội dung chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Các ngành, địa phương, đơn vị căn cứ yêu cầu tại khoản 1 mục I, xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024, các ngành, địa phương, đơn vị tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật, thành tựu mới; khác biệt so với giai đoạn 2021 - 2023 của năm 2024, so sánh với kết quả thực hiện năm 2023 và thời điểm trước dịch Covid-19); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục; trong đó tập trung đánh giá tác động của xung đột quân sự Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ, tình hình lạm phát, tỷ giá, lãi suất, biến động giá cả hàng hóa thế giới (xăng dầu, vàng...), các vấn đề an ninh truyền thông, an ninh phi truyền thông, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh mạng...; từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch năm 2024; cụ thể:

a) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 450/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024, Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa; báo cáo đầy đủ việc thực hiện các

chỉ tiêu được giao theo mẫu tại Phụ lục kèm theo; trong đó, tập trung đánh giá một số vấn đề trọng tâm sau:

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa; kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng; kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện; kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025...

- Các giải pháp, nhiệm vụ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển; thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; kết quả phát triển các ngành kinh tế trọng yếu thuộc khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ thương mại và xuất nhập khẩu; kết quả thực hiện các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ việc sử dụng chi ngân sách nhà nước.

- Công tác cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; kết quả thu hút đầu tư; công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại; kết quả phát triển doanh nghiệp và các giải pháp phát triển doanh nghiệp.

- Tăng cường đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng hệ thống chính sách xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân; tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; công tác phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế.

- Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; đảm bảo an ninh nguồn nước.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; tinh giản biên chế, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng. Công tác hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật; rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách. Tình hình triển khai Đề án 06.

- Tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển.

b) Các huyện, thị xã, thành phố đánh giá các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Nghị quyết của HĐND các huyện, thị xã, thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

2.2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 được xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường; hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, chiến tranh thương mại, phân tách chuỗi cung ứng, trừng phạt về kinh tế, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, còn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành xu thế rõ nét, đem lại cả thách thức và thời cơ, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với mọi quốc gia, dân tộc. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; vị thế, uy tín của nước ta tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn; nền kinh tế có độ mở lớn, chịu tác động mạnh từ những yếu tố bất lợi bên ngoài trong khi những hạn chế, yếu kém nội tại chậm được khắc phục; các vấn đề về xã hội, môi trường như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... gây áp lực lớn lên công tác điều hành kinh tế - xã hội.

Trong tình, các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, tạo thuận lợi để đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, các khó khăn, thách thức vẫn rất lớn, với nhiều yếu tố khó dự báo hơn, nhất là nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp; việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp còn khó khăn, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp chậm, thiếu mặt bằng sạch để thu hút đầu tư...; cùng với những thách thức về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu là những yếu tố tác động bất lợi đến sự phát triển của tỉnh.

Trong bối cảnh đó, các ngành, địa phương, đơn vị cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản, cốt lõi, trọng yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh

hưởng của xung đột quân sự Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, tình hình lạm phát, điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, biến động giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu, xu hướng dịch chuyển dòng vốn, chuỗi cung ứng toàn cầu, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tác động trực tiếp, nhiều mặt đến tỉnh.

b) Mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

c) Chỉ tiêu chủ yếu; trong đó tập trung cân đối các chỉ tiêu chủ yếu phù hợp với tình hình thực tiễn, nhằm dự báo khả năng thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2025 của các ngành, địa phương, đơn vị phải đảm bảo thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực 5 năm 2021 - 2025; đồng thời, phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, đơn vị; trong đó:

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Thanh Hóa.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. Khẩn trương lập, trình phê duyệt các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn; rà soát, điều chỉnh những bất cập, chồng chéo, chưa thống nhất giữa các loại quy hoạch; tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, để thúc đẩy phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; trọng tâm là:

+ Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai theo Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; tiếp tục phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái; tiếp tục thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp

chúng chỉ cho các sản phẩm chủ lực, hướng đến xuất khẩu. Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu thị trường; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); đẩy mạnh khai thác xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đổi mới mạnh mẽ phương thức sản xuất, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, xây dựng thương hiệu đối với các sản phẩm chủ lực. Tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, góp phần nâng cao chất lượng, môi trường sống nông thôn.

+ Phát triển ngành công nghiệp theo hướng kết hợp hài hòa cả chiều rộng và chiều sâu, phấn đấu đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng, chế biến, chế tạo. Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đảm bảo doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định, nhất là các sản phẩm có khả năng gia tăng sản lượng, phát huy tối đa công suất để bù đắp phần thiếu hụt giá trị sản xuất công nghiệp cho các sản phẩm có sản lượng giảm. Tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được giao cho nhà đầu tư tổ chức thực hiện. Tiếp tục phát triển tiêu thụ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống, nhân cấy nghề mới có thị trường tiêu thụ, sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở. Triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

+ Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn. Khai thác tối đa thế mạnh cụm cảng nước sâu Nghi Sơn để phát triển dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics; thu hút các hãng vận tải biển lớn trong và ngoài nước mở các tuyến vận tải container quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với phát triển mạnh thị trường trong nước; thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để bắt kịp xu hướng phát triển; củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa tại các thị trường truyền thống, tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng. Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến du lịch; tăng cường các hoạt động liên kết phát triển du lịch Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố trọng điểm về du lịch để thu hút du khách về với Thanh Hóa. Đẩy mạnh hoạt động vận tải tại Cảng hàng không Thọ Xuân; xúc tiến mở mới các đường bay đi và đến cảng hàng không Thọ Xuân. Phát triển thông tin truyền thông với công nghệ hiện đại, độ phủ rộng, tốc độ và chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh.

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, ưu tiên bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trọng điểm, có tính liên vùng, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn; từng bước hình thành khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển. Đẩy mạnh phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại và thân thiện môi trường.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, trọng tâm là rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết các thủ tục hành chính; duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có xếp hạng tốt, tập trung khắc phục những chỉ số thành phần có xếp hạng thấp của các chỉ số PCI, SIPAS, PAR Index, PAPI. Nâng cao, đổi mới hoạt động công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có chọn lọc; tập trung thu hút đầu tư vào 3 trụ cột tăng trưởng, 4 trung tâm kinh tế động lực, 5 vùng liên huyện và 6 hành lang kinh tế. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ giải quyết các “điểm nghẽn” để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp, các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tăng cường kiểm tra các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, kiểm quyết xử lý nghiêm các dự án chậm, vi phạm quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng các thành tựu mới của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện cả 3 trụ cột “chính quyền số, kinh tế số và xã hội số”. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, đưa phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, xã hội; đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; quan tâm đầu tư, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa. Tiếp tục xây dựng, phát huy giá trị văn hóa, con người Thanh Hóa, gắn với khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của toàn dân trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao quần chúng; duy trì thể thao thành tích cao trong nhóm dẫn đầu cả nước.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, thu hẹp chênh lệch chất lượng giáo dục giữa miền núi và miền xuôi; tập trung giải quyết hiệu quả tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị bệnh tại các tuyến; có giải pháp bảo đảm đủ, kịp thời thuốc, vật tư y tế tại các cơ sở y tế. Tiếp tục nâng cao năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng; thực hiện xã hội hóa, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế để tăng cường đầu tư các cơ sở y tế; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ trong các bệnh viện công lập. Tăng cường công tác quản lý chuyên môn tại các cơ sở y tế ngoài công lập, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động. Tiếp tục phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; từng bước khắc phục tình trạng nợ đóng bảo hiểm xã hội trong doanh nghiệp. Quan tâm đúng mức đến công tác an sinh xã hội và đời sống Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính; chính sách tinh giản biên chế năm 2025. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp có dấu hiệu tiêu cực, bất thường, gây khó khăn, phiền hà trong thực thi công vụ theo quy định; kịp thời động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ. Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, chú trọng triển khai công tác ngoại giao kinh tế nhằm thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025 - 2027

1. Đối với dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

1.1. Về dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, đi đôi với phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2024 cũng như dự toán năm 2025. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; tăng, giảm thu ngân sách khi Chính phủ thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với nhà đầu tư nước ngoài cũng như việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2025 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng tối thiểu khoảng 5 - 7% so với ước thực hiện năm 2024 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 tăng bình quân khoảng 4 - 6% so với ước thực hiện năm 2024.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

1.2. Về dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Kết luận số 40-KL/TW ngày

18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và các kế hoạch hành động triển khai thực hiện của tỉnh; kinh phí về chế độ tiền lương mới, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024. Bảo đảm nguồn lực để tiếp tục triển khai chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) và Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội khóa XV.

Đối với cấp huyện, xã khi xây dựng dự toán chi NSĐP phải căn cứ theo nguồn thu được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên và số bổ sung có mục tiêu (nếu có).

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện phân bổ trước ngày 31/12, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2025. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công 2019, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa, các nghị quyết phân bổ và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2021 - 2025 của HĐND tỉnh, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Tuyệt đối không bố trí kế hoạch vốn NSNN năm 2025 cho các chương trình, dự án không thuộc nhiệm vụ chi của NSNN, không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày 31/12/2024; khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, giao vốn nhưng không phân bổ hết nguồn vốn được giao, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

Việc bố trí vốn theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công 2019, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Ưu tiên bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có); (ii) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, các dự án hoàn thành năm 2025, vốn tham gia vào các dự án PPP, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (iii) Bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách cấp huyện, cấp xã quản lý đối với các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn do cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã quản lý đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư cho các dự án hoàn thành trước năm 2025 và các dự án hoàn thành sau năm 2025; (iv) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; (v) Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án đường ven biển, dự án trọng điểm theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (vi) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn; (vii) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

Đối với nguồn thu sử dụng đất: ưu tiên bố trí vốn để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: bố trí toàn bộ cho chi đầu tư phát triển; trong đó, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương: theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được HĐND cấp tỉnh quyết định. Do đó, các đơn vị chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đầy đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các chủ đầu tư chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2025; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

b) Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025 được xây dựng theo từng lĩnh vực chi, đúng chính sách, chế độ, đúng nguồn kinh phí và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2025; đảm bảo thực hiện các dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và đáp ứng đầy đủ các chế độ chính sách đã ban hành, nhất là các chính sách an sinh xã hội, chi cho con người.

Đối với các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, trang thiết bị máy móc: thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ sau khi được ban hành.

Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế và giảm quỹ lương tương ứng với giảm biên chế hành chính theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; trong đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương và chi hoạt động bộ máy năm 2025 so với năm 2024; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định.

Dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập phải quán triệt đầy đủ yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 - 2025 của tỉnh.

c) Cơ quan, đơn vị xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

d) Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức: căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, các Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021, số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020, số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020, số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; nội dung hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo từng nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh

vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); phân định cụ thể các nguồn vốn thuộc NSDP và nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

e) Đối với các chương trình mục tiêu trung ương bổ sung, chương trình mục tiêu quốc gia (gồm cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) và các chương trình mục tiêu, chính sách của địa phương: trên cơ sở kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện chương trình trong năm 2024, lũy kế số đã thực hiện 04 năm 2021 - 2024, các ngành được giao nhiệm vụ quản lý chương trình căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của từng chương trình lập dự toán chi tiết năm 2025 gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh để phân bổ theo quy định. Trên cơ sở đó tổng hợp, đánh giá việc thực hiện các chương trình giai đoạn 2021 - 2025, thể hiện rõ các kết quả, tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân.

f) Về chi ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp; pháp luật về ngân sách nhà nước.

g) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần ngân sách nhà nước đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công năm 2025: các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện lập dự toán chi theo chế độ nhà nước ban hành.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2025 - 2027

Trên cơ sở văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 07-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, 7 (Khóa XII) về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội và các kế hoạch hành động triển khai thực hiện của tỉnh; các Nghị quyết: Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hoá, số 174/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội; dự toán

năm 2025 và tạm giả định các quy định trong thời kỳ ổn định hiện hành, các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027 cấp tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các ngành, địa phương, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2024 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2025, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027; đồng thời, chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2025, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

2. Căn cứ hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các ngành, địa phương, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2024 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán NSNN năm 2025, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027 của ngành, địa phương mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, đảm bảo thời gian theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (đề b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đồng chí Bí thư các huyện, thị, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH. (273.2024)

CHỦ TỊCH

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2025
(Kèm theo Chỉ thị số /CT-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024			Dự kiến năm 2025	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	11,0% trở lên				Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu các ngành kinh tế	%	100				
-	<i>Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	12,9				
-	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	49,5				
-	<i>Dịch vụ</i>	%	31,1				
-	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	6,5				
3	GRDP bình quân đầu người	USD	3.540 USD trở lên				
4	Sản lượng lương thực	Triệu tấn	Giữ ở mức 1,5 triệu tấn				Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	6.000				Sở Công Thương
6	Tổng huy động vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	135.000				Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	35.567				Sở Tài chính
8	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công	Ha	Tăng thêm 6.200 ha				Sở Nông nghiệp và PTNT

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024			Dự kiến năm 2025	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
	nghệ cao						
9	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	3.000 DN trở lên				Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	39% trở lên				Sở Xây dựng
11	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	9,5% trở lên				Cục Thống kê
12	Xây dựng nông thôn mới		Thêm 01 huyện, 17 xã đạt chuẩn NTM; 02 huyện, 19 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 10 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu				Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Tốc độ tăng dân số	%	Dưới 1%				Sở Y tế
14	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động	%	Giảm còn 30,5%				Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	74%				Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
16	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2022 - 2025	%	Giảm từ 1,5% trở lên				Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
17	Số bác sỹ/1 vạn dân	%	12,5 bác sỹ				Sở Y tế
18	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	86,67% trở lên				Sở Giáo dục và Đào tạo

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024			Dự kiến năm 2025	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
19	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93,75% trở lên				Sở Y tế
20	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm	%	99,8% trở lên				Văn phòng điều phối về vệ sinh ATTP tỉnh
	<i>Trong đó: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP nâng cao</i>	%	24,5%				
21	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh	%	27,8% trở lên				Sở Nội vụ
22	Tỷ lệ che phủ rừng	%	53,8				Sở Nông nghiệp và PTNT
23	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	98				Sở Nông nghiệp và PTNT
	<i>Trong đó: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	64				
24	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	91				Sở Tài nguyên và Môi trường
25	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	80				Công an tỉnh